TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 02 - 2025
"V/v *Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Nam và ông Lương Công Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 452/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2024, Quyết định hoãn phiên toà số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Văn Thị T, sinh năm 1983; Địa chỉ thường trú: Khu phố D, Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Lê N, sinh năm 1984; Địa chỉ thường trú: Khu phố D, Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Văn Thị T trình bày: Chị T kết hôn với ông Lê N vào năm 2004. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung, cháu lớn tên Lê Tri H, sinh năm 2005, cháu nhỏ tên Lê Kim N1, sinh năm 2006. Trong thời gian chung sống với nhau, ông N không chịu làm ăn, thường xuyên rượu chè, cờ bạc, trai gái, chửi mắng, hạ nhục chị mọi điều. Tuy ở nhà riêng nhưng do ông N đi biển thường xuyên, cứ về thì kình lộn, chửi bới vợ con. Việc này tiếp diễn từ rất nhiều năm nay. Trong nội bộ gia đình cũng đã hoà giải nhiều lần nhưng không được, cha mẹ cũng không can thiệp vào cuộc sống riêng của vợ chồng. Chị T cũng thường xuyên bị ông N dùng bạo lực nhưng cũng chỉ giải quyết nội bộ, không báo công an vì nghĩ đến tình cảm vợ chồng. Nhưng ông N không chịu tu chí làm ăn và nghĩ tới vợ con.

Sau đó, do không chịu đựng được cảnh bị chồng chửi bới, đánh đập nữa nên chị T về nhà mẹ đẻ ở. Nay chị T không thể chịu đựng được nữa, cảm thấy giữa vợ chồng không có sự tôn trọng, thương yêu lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu lớn tên Lê Tri H, sinh năm 2005, cháu nhỏ tên Lê Kim N1, sinh năm 2006. Hiện nay cháu H đã trên 18 tuổi, tự lo cho cuộc sống của mình, không yêu cầu giải quyết vụ án. Còn cháu Lê Kim N1 đã mất. Do đó, tôi không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

*Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

**Bị đơn anh Lê N vắng mặt nên không có trình bày:*

Tại Biên bản xác minh ngày 22/01/2025 tại Công an phường P, thành phố T, Phú Yên xác định ông Lê N, sinh năm 1984 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố D, phường P, thành phố T, Phú Yên. Hiện nay, ông N đang có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bị đơn Nhiều, con chung đã trưởng thành, tự lao động kiếm sống nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Đã trưởng thành, đề nghị không xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Văn Thị T yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con với bị đơn Lê N có địa chỉ tại khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Bị đơn Lê N đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không rõ lý do tại phiên tòa mở lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Văn Thị T và bị đơn Lê N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 20/4/2004, đảm bảo về điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Nguyên đơn trình bày giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn vì bị đơn Nhiều không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt rồi chửi bới, đánh đập chị. Giờ hai bên không còn ở chung. Nay, nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn, yêu cầu ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Toà, bị đơn vắng mặt, không đến Tòa trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

[5] Xét hai bên đương sự xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên đơn và bị đơn không còn tiếng nói chung, không có sự sẻ chia vợ chồng, thấy không còn tình thương, sự tôn trọng, cảm thông của vợ chồng dành cho nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[6] Con chung: Không xét.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Không xét.

[8] Về án phí*:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Văn Thị T được ly hôn với bị đơn Lê N.

2. Về con chung: Không xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xét.

4. Về án phí HNGĐ-ST: Nguyên đơn Văn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0005676 ngày 05/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Nguyên đơn T đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- UBND P. Phú Lâm (số 90/2004);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ngọc Uyên